

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91492/CT-TTHT
V/v hiệp định tránh đánh thuế
hai lần

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
(Đ/c: Số 89 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- MST: 0100233583)

Trả lời công văn số 1240/2020/CV-VPBank nhận ngày 14/08/2020 và hồ sơ bổ sung nhận ngày 01/09/2020 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "VPBank") hỏi về hiệp định tránh đánh thuế hai lần, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

"Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu..."

- Căn cứ Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

+ Tại Điều 2 hướng dẫn các loại thuế áp dụng như sau:

"Điều 2. Các loại thuế áp dụng

Các loại thuế áp dụng trong các Hiệp định là các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản được quy định cụ thể tại từng Hiệp định.

1. Trong trường hợp của Việt Nam, các loại thuế thuộc phạm vi áp dụng Hiệp định là:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp; và



b) Thuế thu nhập cá nhân.

2. Trong trường hợp của các Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam, các loại thuế áp dụng Hiệp định được quy định cụ thể tại Điều 2 của Hiệp định (thường là Khoản 3 của Điều 2).

... ”

+ Tại Điều 6 hướng dẫn một số trường hợp từ chối áp dụng Hiệp định trên cơ sở nguyên tắc hưởng lợi Hiệp định:

“Trừ khi được quy định khác tại Hiệp định về giới hạn hưởng lợi Hiệp định, Cơ quan thuế Việt Nam sẽ từ chối đề nghị áp dụng Hiệp định trong các trường hợp sau:

1. Người đề nghị đề nghị áp dụng Hiệp định đối với số thuế đã phát sinh quá ba năm trước thời điểm đề nghị áp dụng Hiệp định.

... ”

+Tại Điều 4 quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc áp dụng Hiệp định

Khi áp dụng, xử lý thuế đối với từng trường hợp phải căn cứ theo quy định tại từng Hiệp định (bao gồm cả Nghị định thư và/hoặc Thư trao đổi nếu có).”

+ Tại Điều 19 hướng dẫn xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay

“Điều 19. Xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay

1. Theo quy định tại Hiệp định, Việt Nam có quyền thu thuế đối với lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam theo một thuế suất giới hạn (thường không quá 10%) tùy theo từng Hiệp định, với điều kiện đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng.

Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam là các khoản lãi từ tiền cho vay do bất cứ một đối tượng cư trú nào của Việt Nam chịu và phải trả, kể cả các khoản lãi được chịu và phải trả bởi Chính phủ Việt Nam và các cơ quan chính quyền địa phương Việt Nam hoặc các cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định của một đối tượng cư trú nước ngoài có tại Việt Nam.

Ví dụ 27: Chi nhánh ngân hàng QT là chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của ngân hàng Q của Thái Lan chi trả cho ngân hàng Q một khoản lãi tiền cho vay. Do chi nhánh QT là một cơ sở thường trú của ngân hàng Q tại Việt Nam, nên theo quy định của Hiệp định giữa Việt Nam và Thái Lan, khoản tiền lãi này coi như phát sinh tại Việt Nam và phải chịu thuế tại Việt Nam với mức thuế suất 10% (Khoản 2.a, Điều 11: Lãi từ tiền cho vay). Tuy nhiên, do mức thuế suất đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay hiện nay của Việt Nam trong trường hợp này là 5% nên khoản tiền lãi này chỉ chịu thuế tại Việt Nam với mức thuế suất 5%.

2. Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam thì Nước ký kết Hiệp định với

Việt Nam có quyền đánh thuế tại nguồn thu nhập đó theo quy định tại Khoản 1 nêu trên và Việt Nam cũng có quyền thu thuế đối với thu nhập này theo quy định tại pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam, nhưng đồng thời Việt Nam phải thực hiện các biện pháp tránh đánh thuế hai lần đối với khoản thu nhập này (quy định tại Chương III. Biện pháp tránh đánh thuế hai lần tại Việt Nam của Thông tư này).

3. Trường hợp pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam không quy định việc thu thuế thu nhập đối với loại thu nhập này hoặc thu thuế với một mức thuế suất thấp hơn quy định tại Hiệp định thì đối tượng có thu nhập sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế theo các quy định tại pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam.

Ví dụ 28: Cũng với Ví dụ 27 như trên, nhưng giả sử khoản lãi từ tiền cho vay được chi trả cho một đối tượng cư trú là cá nhân ở Thái Lan. Mặc dù theo Hiệp định giữa Việt Nam và Thái Lan (Khoản 2.b, Điều 11: Lãi từ tiền cho vay), Việt Nam có quyền thu thuế đối với khoản tiền lãi này với thuế suất 15%. Nhưng theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam, mức thuế suất áp dụng là 5%. Do đó, Việt Nam chỉ thu thuế với mức thuế suất 5% thay vì 15%."

+ Tại Điều 20 quy định xác định đối tượng thực hưởng Hiệp định đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay

"Điều 20. Xác định đối tượng thực hưởng Hiệp định đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay

Theo quy định tại Hiệp định, các quy định về thuế đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay chỉ áp dụng đối với các đối tượng trực tiếp cho vay, trực tiếp nhận lãi từ tiền cho vay và đồng thời là đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay đó - nghĩa là người cho vay.

...

Ví dụ 30: Công ty A cư trú tại Việt Nam ký Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C ở nước X, Ngân hàng D ở nước Y và Ngân hàng E ở nước Z và vốn vay được chuyển trực tiếp từ tài khoản của các ngân hàng này cho Công ty A. Trong đó, nước X và Y có ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Công ty A có thể trả lãi vay theo các cách như sau: (i) Công ty A chuyển trả lãi tiền vay trực tiếp cho từng Ngân hàng C, D và E tương ứng với tỷ lệ góp vốn; hoặc (ii) Công ty A chuyển trả toàn bộ lãi tiền vay cho Ngân hàng C, sau đó việc chia lại lãi do thỏa thuận của các bên cho vay (Ngân hàng C, D và E). Trong trường hợp này, khoản trả lãi tiền vay cho khoản vay hợp vốn của Ngân hàng C và D của trường hợp (i) và Ngân hàng C của trường hợp (ii) sẽ được áp dụng Hiệp định.

...

Ngoài một số trường hợp không được hưởng lợi Hiệp định theo quy định tại Điều 6. Một số trường hợp từ chối áp dụng Hiệp định trên cơ sở nguyên tắc hưởng lợi Hiệp định, các mức thuế suất giảm hoặc việc miễn thuế đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay quy định tại Hiệp định sẽ không áp dụng đối với:

1. Đối tượng nhận khoản thanh toán lãi từ tiền cho vay nhưng không phải là người cho vay.

Ví dụ 32: Một công ty Việt Nam trả lãi tiền vay cho ngân hàng C của Thái Lan. Theo yêu cầu của ngân hàng này, số lãi tiền vay này được chuyển cho ngân hàng P của Pháp có trụ sở chính tại Pa-ri. Trong trường hợp này, người thực hưởng tiền lãi là ngân hàng C của Thái Lan, không phải ngân hàng P của Pháp. Do đó, ngân hàng P không có quyền yêu cầu áp dụng các quy định tại Hiệp định giữa Việt Nam và Pháp đối với khoản lãi từ tiền cho vay này.

2. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam trả cho một cơ sở thường trú đặt tại Việt Nam của một đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.

Ví dụ 33: Một công ty Việt Nam trả lãi tiền vay cho Chi nhánh ngân hàng nước ngoài V tại Việt Nam của ngân hàng nước ngoài C là đối tượng cư trú của Thái Lan. Trong trường hợp này, khoản lãi từ tiền cho vay nhận được bởi Chi nhánh ngân hàng nước ngoài V được coi như thu nhập kinh doanh thông thường (không phải thu nhập từ lãi tiền cho vay) của Chi nhánh ngân hàng nước ngoài V tại Việt Nam theo quy định của Hiệp định giữa Việt Nam và Thái Lan.

3. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam trả cho một cơ sở thường trú của một công ty khác của Việt Nam đặt tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.

Ví dụ 34: Ngân hàng V của Việt Nam có một chi nhánh VC tại nước L là Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam. Theo luật của nước L, chi nhánh VC được coi là một cơ sở thường trú của Ngân hàng V tại nước đó. Chi nhánh VC cho một công ty tại Việt Nam vay tiền và nhận được khoản lãi từ tiền cho vay. Trong trường hợp này, các quy định về thuế đối với lãi từ tiền cho vay tại Hiệp định giữa Việt Nam và L sẽ không được áp dụng.

4. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam trả cho một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của nước thứ ba có tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.

Ví dụ 35: Một công ty Việt Nam trả lãi tiền vay cho Chi nhánh ngân hàng N tại nước N của ngân hàng C là đối tượng cư trú của Thái Lan. Trong trường hợp này, khoản lãi tiền vay nhận được bởi Chi nhánh ngân hàng N không được áp dụng các quy định của Hiệp định giữa Việt Nam và Thái Lan.

5. Tiền cho vay không được chuyển trực tiếp từ tài khoản của bên cho vay là đối tượng cư trú của Nước ký Hiệp định với Việt Nam.

Ví dụ 36: Giả sử với Ví dụ 30 nêu trên, toàn bộ số tiền cho vay theo Hợp đồng được chuyển cho Công ty A từ tài khoản của Ngân hàng E; khi đó, khoản lãi tiền vay phát sinh trên số tiền cho vay này sẽ không thuộc diện áp dụng Hiệp định.

Các quy định về thuế đối với thu nhập từ lãi từ tiền cho vay như trên được nêu tại Điều khoản Lãi từ tiền cho vay (thường là Điều 11) của Hiệp định."

- Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn và lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản:

+ Tại Điều 1 quy định:

"Điều 1. Phạm vi đối tượng áp dụng

Bản Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết."

+ Tại Điều 2 quy định:

"Điều 2. Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập và vào tài sản, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, tổng tài sản, hoặc những phần nào đó của thu nhập hoặc của tài sản, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả cũng như các khoản thuế đánh vào trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a) tại Việt Nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế lợi tức;

(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(iv) thuế thu nhập đối với các nhà thầu nước ngoài;

(v) thuế thu nhập đối với các nhà thầu phụ nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí;

(vi) các khoản lệ phí mang tính chất thuế thu vào tài sản;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

b) tại Pháp:

(i) thuế thu nhập;

(ii) thuế công ty;

(iii) thuế thu trên tài sản;

(dưới đây được gọi là "thuế Pháp")."

+ Tại Điều 20 quy định:

"Điều 20. Thu nhập khác

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, bất kể phát sinh ở đâu, không được đề cập đến tại các điều khoản trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước này.

2. Các quy định của khoản 1 sẽ không áp dụng đối với những thu nhập khác với những thu nhập từ bất động sản đã được qui định tại khoản 2 của điều 6, nếu đối tượng hưởng các thu nhập loại này là đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành một hoạt động công nghiệp hay thương mại tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú đóng tại đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định đóng tại đó, và nếu quyền hoặc tài sản làm

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

phát sinh các khoản thu nhập này có quan hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định này. Trong trường hợp này, các quy định tại điều 7 hoặc điều 13, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng"

+ Tại điểm 4 của Nghị định thu quy định:

" 4. a) Về lãi tiền cho vay, trong trường hợp vì những quan hệ đặc biệt giữa người trả và người thực hưởng hoặc trong trường hợp vì giữa người này hoặc người kia có quan hệ này với những người thứ ba, tổng khoản tiền lãi cho vay, đặc biệt là tính đến lãi suất và qui mô của khoản vay mà vì thế phải trả khoản lãi này, vượt quá tổng khoản lãi được thỏa thuận giữa người trả và người thực hưởng khi chưa có những quan hệ như vậy, thì những qui định của điều 20 chỉ được áp dụng đối với khoản đã được thỏa thuận. Trong trường hợp này, khoản vượt trội vẫn phải chịu thuế theo luật pháp của từng Nước ký kết và đồng thời xem xét đến những qui định khác của Hiệp định này.

b) Nói chung đối với mọi thu nhập hoặc mọi phần của tài sản, không một điều nào trong Hiệp định này ngăn cản một Nước ký kết áp dụng những qui định của luật pháp của mình nhằm ngăn ngừa hoặc trừng phạt việc trốn thuế hoặc lậu thuế đối với đối tượng cư trú của Nước đó."

- Căn cứ Điểm b2 Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định đối với trường hợp nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu:

"b.2) Hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện thêm các thủ tục sau:

Mười lăm ngày trước thời hạn khai thuế, bên Việt Nam ký kết hợp đồng hoặc chi trả thu nhập cho Nhà thầu nước ngoài gửi Cơ quan thuế quản lý trực tiếp của bên Việt Nam hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định Hồ sơ gồm:

- Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Bản chụp hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có xác nhận của người nộp thuế.

...

- Giấy ủy quyền trong trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định.

Trường hợp năm trước đó đã thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định thì các năm tiếp theo chỉ cần thông báo các bản chụp hợp đồng kinh tế mới ký

kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và nước ngoài (nếu có) có xác nhận của người nộp thuế.

15 (mười lăm) ngày trước khi kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam hoặc kết thúc năm tính thuế (tùy theo thời điểm nào diễn ra trước) Nhà thầu nước ngoài gửi bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của năm tính thuế đó cho bên Việt Nam ký kết hợp đồng hoặc chi trả thu nhập. Trong phạm vi 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận cư trú, bên Việt Nam ký kết hợp đồng hoặc chi trả thu nhập có trách nhiệm nộp cho Cơ quan thuế bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú này.

Trường hợp vào thời điểm trên vẫn chưa có được Giấy chứng nhận cư trú thì nhà thầu nước ngoài có nghĩa vụ cam kết gửi bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự trong quý ngay sau ngày kết thúc năm tính thuế.

Trường hợp người nộp thuế không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, đề nghị giải trình cụ thể tại Thông báo mẫu số 01/HTQT nêu trên để cơ quan thuế xem xét, quyết định.”

- Căn cứ Điều 151 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về hiệu lực thi hành:

“1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2022; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2022.

3. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 152 của Luật này...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Trường hợp đối tác Propaco là nhà thầu nước ngoài có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam thì thu nhập của nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp thu nhập từ lãi tiền vay của đối tác Propaco (nhà thầu nước ngoài) thuộc đối tượng được áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Pháp thì thủ tục thông báo miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Từ ngày 01/7/2020, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành thì đơn vị thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14. Cục Thuế TP Hà Nội sẽ đăng tải nội dung trên trang web <https://hanoi.gdt.gov.vn> hướng dẫn người nộp thuế khi các văn bản được ban hành. Đề nghị đơn vị căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và các văn bản quy phạm pháp luật để kê khai và nộp thuế theo đúng quy định.

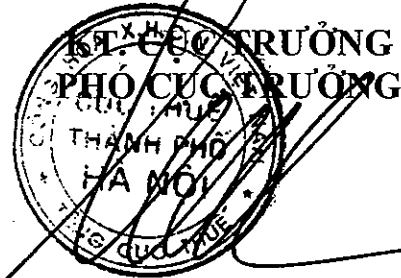
Đề nghị VPBank căn cứ thực tế các khoản thu nhập của Propaco tại Việt Nam, đối chiếu quy định về thu nhập từ lãi tiền cho vay tại Thông tư 205/2013/TT-BTC, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Pháp và Nghị định thư của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Pháp để áp dụng phù hợp quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Thanh tra kiểm tra thuế số 8 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được biết và thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT8;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;3)



Nguyễn Tiến Trường